

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC LẶC**

Số: /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Ngọc Lặc, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt đề cương nhiệm vụ, dự toán khảo sát, lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật dự án Tu sửa, nâng cấp hồ Hón Ốc xã Mỹ Tân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC LẶC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: Số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 ban hành định mức xây dựng; số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;

Căn cứ Quyết định số 4272/QĐ-UBND ngày 05/12/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa về công bố đơn giá xây dựng công trình tỉnh Thanh Hóa năm 2022;

Căn cứ công bố giá vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh quý 4 năm 2023 của Liên Sở Xây dựng – Tài chính;

Căn cứ Nghị quyết số 123/NQ-HĐND ngày 21/12/2023 của HĐND huyện Ngọc Lặc về chủ trương đầu tư xây dựng dự án: Tu sửa, nâng cấp hồ Hón Ốc, xã Mỹ Tân, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 4937/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của UBND huyện Ngọc Lặc về việc giao Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Ngọc Lặc tổ chức thực hiện quản lý dự án: Tu sửa, nâng cấp hồ Hón Ốc, xã Mỹ Tân, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Ngọc Lặc tại Tờ trình số 42/TTr-BQLDA ngày 26/01/2024 về việc xin phê duyệt đề cương nhiệm

vụ, dự toán khảo sát, lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật: Tu sửa, nâng cấp hồ Hón Ốc, xã Mỹ Tân, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa; Báo cáo số 59/TĐ-KTHT ngày 30/01/2024 của phòng Kinh tế và Hạ tầng về việc báo cáo kết quả thẩm định đề cương nhiệm vụ, dự toán khảo sát, lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật dự án: Tu sửa, nâng cấp hồ Hón Ốc, xã Mỹ Tân, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đề cương nhiệm vụ, dự toán khảo sát, lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật dự án Tu sửa, nâng cấp hồ Hón Ốc, xã Mỹ Tân, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa với những nội dung sau:

I. Khái quát dự án:

- Tên dự án: Tu sửa, nâng cấp hồ Hón Ốc, xã Mỹ Tân, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa.
- Nhóm dự án: Dự án nhóm C.
- Loại công trình: Công trình Nông nghiệp và phát triển Nông thôn, cấp III.
- Địa điểm xây dựng: Xã Mỹ Tân, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa.
- Chủ đầu tư: UBND huyện Ngọc Lặc.
- Thời gian thực hiện: Không quá 03 năm.
- Tổng mức đầu tư: 7.500.000.000 đồng.
- Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh, ngân sách huyện và nguồn huy động hợp pháp khác.

II. Nội dung về nhiệm vụ và phương án khảo sát lập báo cáo KTKT:

1. Phạm vi nghiên cứu và hệ thống tiêu chuẩn:

1.1. Phạm vi nghiên cứu của dự án:

- Địa điểm xây dựng: Xã Mỹ Tân, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa.
- Phạm vi nghiên cứu: Trong khu vực xây dựng công trình, đủ cơ sở để tính toán thông số kỹ thuật dự án.

1.2. Các tiêu chuẩn kỹ thuật chủ yếu của dự án:

- Quy phạm đo vẽ bản đồ địa hình tỷ lệ 1:500, 1:1000, 1:2000, 1:5000 (phần ngoài trời): 96 TCN 43-90.
- Quy chuẩn quốc gia về xây dựng lưới độ cao QCVN11:2008/BTNMT.
- Kỹ thuật đo và xử lý số liệu GPS trong trắc địa công trình TCVN 9401-2012.
- Công tác trắc địa trong xây dựng công trình - yêu cầu chung TCVN 9398:2012.
- Khoan thăm dò địa chất công trình TCVN 9437-2012.
- Đất xây dựng phương pháp xác định các chỉ tiêu cơ lý TCVN 4195:2012.
- Đất xây dựng - Phân loại TCVN 5747:1993.
- Và các quy trình, quy phạm, hướng dẫn chuyên ngành có liên quan.

2. Nội dung nhiệm vụ khảo sát:

- Khảo sát điều tra thu thập thống kê tình hình kinh tế xã hội, giao thông thủy lợi và dân số khu vực dự án để phục vụ công tác lập báo cáo KTKT.

- Phải cập nhật giá, nguồn nguyên vật liệu trên thị trường thường xuyên theo từng thời điểm lập hồ sơ dự toán.

- Khảo sát xác định điểm tập kết nguyên vật liệu, xác định cự ly, phương án vận chuyển để có cơ sở lập dự toán xây dựng công trình.

- Các yêu cầu khác theo quy định.

3. Hồ sơ báo cáo kinh tế - kỹ thuật:

3.1. Thiết kế bản vẽ thi công:

- Vị trí xây dựng công trình, danh mục và quy mô, loại, cấp công trình thuộc tổng mặt bằng xây dựng.

- Phương án công nghệ, kỹ thuật và thiết bị được lựa chọn (nếu có).

- Giải pháp về kiến trúc, mặt bằng, mặt cắt, mặt đứng công trình, các kích thước, kết cấu chính của công trình xây dựng.

- Giải pháp về xây dựng, vật liệu chủ yếu được sử dụng, ước tính chi phí xây dựng cho từng hạng mục công trình.

- Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật được áp dụng và kết quả khảo sát xây dựng để lập thiết kế cơ sở.

3.2. Các nội dung khác:

- Sự cần thiết và chủ trương đầu tư, mục tiêu đầu tư xây dựng, địa điểm xây dựng và diện tích sử dụng đất, quy mô công suất và hình thức đầu tư xây dựng.

- Khả năng bảo đảm các yếu tố để thực hiện dự án như sử dụng tài nguyên, lựa chọn công nghệ thiết bị, sử dụng lao động, hạ tầng kỹ thuật, tiêu thụ sản phẩm, yêu cầu trong khai thác sử dụng, thời gian thực hiện, phương án giải phóng mặt bằng xây dựng, tái định cư (nếu có), giải pháp tổ chức quản lý thực hiện dự án, vận hành, sử dụng công trình và bảo vệ môi trường.

- Đánh giá tác động của dự án liên quan đến việc thu hồi đất, giải phóng mặt bằng, tái định cư; bảo vệ cảnh quan, môi trường sinh thái, an toàn trong xây dựng, phòng, chống cháy, nổ và các nội dung cần thiết khác.

- Tổng mức đầu tư và huy động vốn, đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án; kiến nghị cơ chế phối hợp, chính sách ưu đãi, hỗ trợ thực hiện dự án.

- Các nội dung khác có liên quan.

4. Quy mô đầu tư xây dựng:

- Đập đất: Lát mái thượng lưu, đổ bê tông mặt đập, thi công thiết bị thoát nước chân mái hạ lưu.

- Tràn xả lũ: Xây dựng tràn xả lũ mới, kết cấu tràn bằng BTXM và BTCT.

- Cống lấy nước: Làm mới thay thế cống cũ.

- Đường quản lý vận hành: Đổ BTXM chiều rộng mặt $B_m=3,5m$ nền $B_n=4,5m$ dưới lót nilon tái sinh.

5. Khối lượng thực hiện: Có phụ biểu chi tiết kèm theo.

Dự kiến chi phí khảo sát, lập báo cáo KT-KT: 505.393.761 đồng.

Trong đó:

- Chi phí khảo sát: 253.568.454 đồng.
- Chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật dự kiến: 241.500.000 đồng.
- Chi phí giám sát công tác khảo sát: 10.325.307 đồng.

Giá trị thanh toán chính thức sẽ dựa trên quyết định phê duyệt dự án.

Điều 2. Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Ngọc Lặc có trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung theo Quyết định đã phê duyệt và theo các quy định hiện hành của nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Văn phòng HĐND và UBND, Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện và Thủ trưởng đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Trang TT điện tử huyện;
- Lưu: VT, KTHT.

CHỦ TỊCH

Bùi Huy Toàn

PHỤ BIỂU CHI TIẾT TÍNH TOÁN, ĐO BÓC KHỐI LƯỢNG KHẢO SÁT

Dự án: Tu sửa, nâng cấp hồ Hón Ốc, xã Mỹ Tân, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /01/2024 của UBND huyện Ngọc Lặc)

Hạng mục: Khảo sát địa hình

STT	Mã hiệu công tác	Danh mục công tác	Đơn vị	Khối lượng toàn bộ
		Không chế cao độ		
1	CG.11220	Thủy chuẩn hạng IV, cấp địa hình II	km	2,00
2	CG.11320	Thủy chuẩn kỹ thuật, cấp địa hình II	km	4,05
		Không chế mặt bằng		
3	CF.11620	Xác định hệ tọa độ bằng GPS	điểm	2,00
4	CF.11610	Đường chuyền cấp 2, ĐH cấp II; Knc, mtc*0,85	điểm	3,00
		Đo vẽ bình đồ		
5	CK.11720	Đo vẽ chi tiết bản đồ địa hình trên cạn bằng máy toàn đạc điện tử và máy thủy bình điện tử; bản đồ tỷ lệ 1/2.000, đường đồng mức 1m, cấp địa hình II	100ha	0,01
		1/100 = 0,01		
6	CK.31720	Đo vẽ chi tiết bản đồ địa hình dưới nước; bản đồ tỷ lệ 1/2.000, đường đồng mức 1m, cấp địa hình II	100ha	0,02
		2/100 = 0,02		
7	CK.11320	Đo vẽ chi tiết bản đồ địa hình trên cạn bằng máy toàn đạc điện tử và máy thủy bình điện tử; bản đồ tỷ lệ 1/500, đường đồng mức 0,5m, cấp địa hình II	1 ha	0,675
		Đo vẽ cắt dọc, ngang		
8	CH.11120	Đo vẽ mặt cắt dọc ở trên cạn; cấp địa hình II; - Đập, tràn, cống; Knc, mtc*1,2	100m	2,55
		(1,35+0,6+0,6) = 2,55		
9	CH.11120	Đo vẽ mặt cắt dọc ở trên cạn; cấp địa hình II-Kênh cũ; Knc, mtc*1,35	100m	2,30

STT	Mã hiệu công tác	Danh mục công tác	Đơn vị	Khối lượng toàn bộ
10	CH.11120	Đo vẽ mặt cắt dọc ở trên cạn; cấp địa hình II-Đường thi công (Đường cũ); Knc,mtc*1,1	100m	1,50
11	CH.11220	Đo vẽ mặt cắt ngang ở trên cạn; cấp địa hình II	100m	7,56
		Tim mốc công trình		
12	CF.21120	Cắm mốc tim tuyến công trình	mốc	6,00
13	CF.21120	Cắm mốc GPMB-Cọc gỗ, Knc,mtc*1,8	mốc	7,00
14	CT.01102	Xác định cao tọa độ hố khoan	cọc	8,00
16	TTTL	Điều tra kinh tế xã hội; Điều tra thủy văn, mỏ vật liệu, bãi đổ thải....	công	
17	OTT7T	Xe vận chuyển thiết bị. ô tô thùng 7T	ca	1,00

Hạng mục: Khảo sát địa chất

STT	Mã hiệu công tác	Danh mục công tác	Đơn vị	Khối lượng toàn bộ
1	CC.11210	Công tác khoan thử công trên cạn, độ sâu khoan từ 0 đến 20m, cấp đất đá I - III	1m khoan	76,0
2	CC.11110	Công tác khoan thử công trên cạn, độ sâu khoan từ 0 đến 10m, cấp đất đá I-III - ĐH dưới nước, knc; mtc*1,3	1m khoan	16,0
3	CE.11810	Đổ nước thí nghiệm trong lỗ khoan, lưu lượng nước tiêu thụ $Q \leq 1$ lít/phút, nguồn nước cấp cách vị trí thí nghiệm ≤ 100 m	lần đổ	4,0

PHỤ BIỂU CHI TIẾT TÍNH TOÁN, ĐO BÓC KHỐI LƯỢNG KHẢO SÁT

Dự án: Tu sửa, nâng cấp hồ Hón Ốc, xã Mỹ Tân, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /01/2024 của UBND huyện Ngọc Lặc)

Hạng mục: Thí nghiệm trong phòng

STT	Mã hiệu công tác	Danh mục công tác	Đơn vị	Khối lượng toàn bộ
		Thí nghiệm mẫu đất nguyên dạng - 08 CT	mẫu	15,0
1	DC.02001	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu khối lượng riêng	1 chỉ tiêu	15,0
2	DC.02002	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu độ ẩm độ hút ẩm	1 chỉ tiêu	15,0
3	DC.02003	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu giới hạn dẻo, giới hạn chảy	1 chỉ tiêu	15,0
4	DC.02004	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, thành phần hạt	1 chỉ tiêu	15,0
5	DC.02006	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, sức chống cắt trên máy cắt phẳng	1 chỉ tiêu	15,0
6	DC.02007	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, tính nén lún trong điều kiện không nở hông (nén thường)	1 chỉ tiêu	15,0
7	DC.02009	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, khối thể tích (dung trọng)	1 chỉ tiêu	15,0
8	DC.04001	Thí nghiệm xác định hệ số thấm của mẫu đất	1 chỉ tiêu	15,0
		Thí nghiệm mẫu đầm nén tiêu chuẩn- 05 chỉ tiêu	mẫu	2,0
9	DC.02004	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, thành phần hạt	1 chỉ tiêu	2,0
10	DC.02001	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu khối lượng riêng	1 chỉ tiêu	2,0
11	DC.02002	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu độ ẩm độ hút ẩm	1 chỉ tiêu	2,0
12	DC.02003	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu giới hạn dẻo, giới hạn chảy	1 chỉ tiêu	2,0
13	DC.05002	Thí nghiệm đầm nén tiêu chuẩn PP I-D	1 chỉ tiêu	2,0

STT	Mã hiệu công tác	Danh mục công tác	Đơn vị	Khối lượng toàn bộ
		Thí nghiệm mẫu chế bị-07 chỉ tiêu	mẫu	2,0
14	DC.02009	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, khối thể tích chế bị	1 chỉ tiêu	2,0
15	DC.02002	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu độ ẩm độ chế bị	1 chỉ tiêu	2,0
16	DC.02006	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, sức chống cắt trên máy cắt phẳng ở TT chế bị	1 chỉ tiêu	2,0
17	DC.02006	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, sức chống cắt trên máy cắt phẳng ở TT bão hòa	1 chỉ tiêu	2,0
18	DC.02007	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, tính nén lún trong điều kiện không nở hông ở TT chế bị	1 chỉ tiêu	2,0
19	DC.02007	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, tính nén lún trong điều kiện không nở hông ở TT bão hòa	1 chỉ tiêu	2,0
20	DC.04001	Thí nghiệm xác định hệ số thấm của mẫu đất	1 chỉ tiêu	2,0

PHỤ BIỂU TỔNG HỢP DỰ TOÁN KHẢO SÁT

Dự án: Tu sửa, nâng cấp hồ Hón Ốc, xã Mỹ Tân, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa
 (Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /01/2024 của UBND huyện Ngọc Lặc)
HẠNG MỤC: Khảo sát địa hình

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ	KÝ HIỆU
I	CHI PHÍ TRỰC TIẾP			
1	Chi phí vật liệu	(VLG + CLVL)	1.230.294	VL
	- Đơn giá vật liệu gốc	Theo bảng tính toán, đo bóc khối lượng công trình	1.195.363	VLG
	- Chênh lệch giá vật liệu	Theo bảng tổng hợp vật liệu và chênh lệch giá	34.931	CLVL
2	Chi phí vật liệu VAT 10%	VLPG + CLVLP	123.846	VLP
	- Đơn giá vật liệu VAT 10% gốc	Theo bảng tính toán, đo bóc khối lượng công trình		VLPG
	- Chênh lệch giá vật liệu VAT 10%	Theo bảng tổng hợp vật liệu và chênh lệch giá	123.846	CLVLP
3	Chi phí nhân công	BNC	36.886.192	NC
	- Đơn giá nhân công gốc	Theo bảng tính toán, đo bóc khối lượng công trình	35.784.090	NCG
	- Chênh lệch giá nhân công	Theo bảng tổng hợp nhân công và chênh lệch giá	1.102.102	CLNC
	- Hệ số điều chỉnh nhân công	(NCG + CLNC) x 1	36.886.192	BNC
4	Chi phí máy thi công	BM	2.495.214	M
	- Đơn giá máy thi công gốc	Theo bảng tính toán, đo bóc khối lượng công trình	2.406.486	MG
	- Chênh lệch giá máy thi công	Theo bảng tổng hợp máy thi công và chênh lệch giá	88.728	CLM
	- Hệ số điều chỉnh máy thi công	(MG + CLM) x 1	2.495.214	BM
	Chi phí trực tiếp	VL + VLP + NC + M	40.735.546	T
II	CHI PHÍ GIÁN TIẾP			
1	Chi phí chung	NC x 70%	25.820.334	C
2	Chi phí nhà tạm để ở và điều hành thi công	T x 2,2%	896.182	LT
3	Chi phí một số công việc không xác định được khối lượng từ thiết kế	T x 2,0%	814.711	TT
	Chi phí gián tiếp	C + LT + TT	27.531.227	GT
III	THU NHẬP CHỊU THUẾ TÍNH TRƯỚC	(T + GT) x 6%	4.096.006	TL

IV	CHI PHÍ KHÁC PHỤC VỤ CÔNG TÁC KHẢO SÁT XÂY DỰNG	$G_{lpa} + G_{lbc}$	3.618.139	C_{pvks}
1	Chi phí lập phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng	$(T + GT + TL) \times 2\%$	1.447.256	G_{lpa}
2	Lập báo cáo kết quả khảo sát xây dựng	$(T + GT + TL) \times 3\%$	2.170.883	G_{lbc}
	Chi phí khảo sát trước thuế	$T + GT + TL + C_{pvks}$	75.980.918	G
V	THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG	$(G - VLP) \times 8\% + VLP \times 10\%$	6.080.950	GTGT
	Chi phí khảo sát sau thuế	$G + GTGT$	82.061.868	Gxd
	Tổng cộng	Gxd	82.061.868	

PHỤ BIỂU TỔNG HỢP DỰ TOÁN KHẢO SÁT

Dự án: Tu sửa, nâng cấp hồ Hón Ốc, xã Mỹ Tân, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa
 (Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /01/2024 của UBND huyện Ngọc Lặc)
HẠNG MỤC: Khảo sát địa chất

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ	KÝ HIỆU
I	CHI PHÍ TRỰC TIẾP			
1	Chi phí vật liệu	(VLG + CLVL)	3.767.272	VL
	- Đơn giá vật liệu gốc	Theo bảng tính toán, đo bóc khối lượng công trình	3.767.272	VLG
	- Chênh lệch giá vật liệu	Theo bảng tổng hợp vật liệu và chênh lệch giá		CLVL
2	Chi phí vật liệu VAT 10%	VLPG + CLVLP		VLP
	- Đơn giá vật liệu VAT 10% gốc	Theo bảng tính toán, đo bóc khối lượng công trình		VLPG
	- Chênh lệch giá vật liệu VAT 10%	Theo bảng tổng hợp vật liệu và chênh lệch giá		CLVLP
3	Chi phí nhân công	BNC	60.567.869	NC
	- Đơn giá nhân công gốc	Theo bảng tính toán, đo bóc khối lượng công trình	59.078.528	NCG
	- Chênh lệch giá nhân công	Theo bảng tổng hợp nhân công và chênh lệch giá	1.489.341	CLNC
	- Hệ số điều chỉnh nhân công	(NCG + CLNC) x 1	60.567.869	BNC
4	Chi phí máy thi công	BM	1.053.220	M
	- Đơn giá máy thi công gốc	Theo bảng tính toán, đo bóc khối lượng công trình	1.053.220	MG
	- Chênh lệch giá máy thi công	Theo bảng tổng hợp máy thi công và chênh lệch giá		CLM
	- Hệ số điều chỉnh máy thi công	(MG + CLM) x 1	1.053.220	BM
	Chi phí trực tiếp	VL + VLP + NC + M	65.388.361	T
II	CHI PHÍ GIÁN TIẾP			
1	Chi phí chung	NC x 70%	42.397.508	C
2	Chi phí nhà tạm để ở và điều hành thi công	T x 2,0%	1.307.767	LT
3	Chi phí một số công việc không xác định được khối lượng từ thiết kế	T x 4,0%	2.615.534	TT
	Chi phí gián tiếp	C + LT + TT	46.320.809	GT
III	THU NHẬP CHỊU THUẾ TÍNH TRƯỚC	(T + GT) x 6%	6.702.550	TL

IV	CHI PHÍ KHÁC PHỤC VỤ CÔNG TÁC KHẢO SÁT XÂY DỰNG	$G_{lpa} + G_{lbc}$	5.920.586	C_{pvks}
1	Chi phí lập phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng	$(T + GT + TL) \times 2\%$	2.368.234	G_{lpa}
2	Lập báo cáo kết quả khảo sát xây dựng	$(T + GT + TL) \times 3\%$	3.552.352	G_{lbc}
	Chi phí khảo sát trước thuế	$T + GT + TL + C_{pvks}$	124.332.306	G
V	THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG	$(G - VLP) \times 8\% + VLP \times 10\%$	9.946.584	GTGT
	Chi phí khảo sát sau thuế	$G + GTGT$	134.278.890	Gxd
	Tổng cộng	Gxd	134.278.890	

PHỤ BIỂU TỔNG HỢP DỰ TOÁN KHẢO SÁT

Dự án: Tu sửa, nâng cấp hồ Hón Ốc, xã Mỹ Tân, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /01/2024 của UBND huyện Ngọc Lặc)

HẠNG MỤC: Thí nghiệm trong phòng

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ	KÝ HIỆU
I	CHI PHÍ TRỰC TIẾP			
1	Chi phí vật liệu	(VLG + CLVL)	1.919.281	VL
	- Đơn giá vật liệu gốc	Theo bảng tính toán, đo bóc khối lượng công trình	1.919.281	VLG
	- Chênh lệch giá vật liệu	Theo bảng tổng hợp vật liệu và chênh lệch giá		CLVL
2	Chi phí vật liệu VAT 10%	VLPG + CLVLP		VLP
	- Đơn giá vật liệu VAT 10% gốc	Theo bảng tính toán, đo bóc khối lượng công trình		VLPG
	- Chênh lệch giá vật liệu VAT 10%	Theo bảng tổng hợp vật liệu và chênh lệch giá		CLVLP
3	Chi phí nhân công	BNC	16.561.422	NC
	- Đơn giá nhân công gốc	Theo bảng tính toán, đo bóc khối lượng công trình	16.154.184	NCG
	- Chênh lệch giá nhân công	Theo bảng tổng hợp nhân công và chênh lệch giá	407.238	CLNC
	- Hệ số điều chỉnh nhân công	(NCG + CLNC) x 1	16.561.422	BNC
4	Chi phí máy thi công	BM	2.396.483	M
	- Đơn giá máy thi công gốc	Theo bảng tính toán, đo bóc khối lượng công trình	2.396.483	MG
	- Chênh lệch giá máy thi công	Theo bảng tổng hợp máy thi công và chênh lệch giá		CLM
	- Hệ số điều chỉnh máy thi công	(MG + CLM) x 1	2.396.483	BM
	Chi phí trực tiếp	VL + VLP + NC + M	20.877.186	T
II	CHI PHÍ GIÁN TIẾP			
1	Chi phí chung	NC x 65%	10.764.924	C
2	Chi phí nhà tạm để ở và điều hành thi công	T x 2,2%	459.298	LT
3	Chi phí một số công việc không xác định được khối lượng từ thiết kế	T x 2%	417.544	TT
	Chi phí gián tiếp	C + LT + TT	11.641.766	GT
III	THU NHẬP CHỊU THUẾ TÍNH TRƯỚC	(T + GT) x 6%	1.951.137	TL

	Chi phí xây dựng trước thuế	T + GT + TL	34.470.089	G
IV	THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG	$(G - VLP) \times 8\% + VLP \times 10\%$	2.757.607	GTGT
	Chi phí xây dựng sau thuế	G + GTGT	37.227.696	Gxd
	Tổng cộng	Gxd	37.227.696	

- Chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật: $7.500.000.000 \times 80\% \times 4,025\% = 241.500.000$ đồng.
- Chi phí giám sát công tác khảo sát: $253.568.454 \times 4,072\% = 10.325.307$ đồng.
(Giá trị thanh toán chính thức sẽ dựa trên quyết định phê duyệt dự án)